

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2022/HS-PT
Ngày 18 tháng 01 năm 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Bà Mai Thị Tú Oanh

Ông Phạm Trí Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 455/2021/TLPT-HS ngày 13 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Thị Việt Tr; Do có kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2021/HSST ngày 03 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Bị cáo:

Nguyễn Thị Việt Tr, sinh năm 1993 tại tỉnh Tây Ninh; Nơi cư trú: ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị Thùy Tr; Có chồng tên Vũ Thanh L (đã ly hôn) và 01 con (sinh năm 2012); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 29/9/2020, chuyển sang tạm giam từ ngày 08/10/2020. (vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1965.

Địa chỉ: ấp Tr, xã Tr1, thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lưu Hải Tr, sinh năm 1962.

Địa chỉ: ấp Tr, xã Tr1, thị xã H, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

(Trong vụ án còn có 06 người bị hại, 14 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập đến phiên tòa phúc thẩm)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2017, bị cáo Nguyễn Thị Việt Tr vào làm việc tại Công ty Cao su L nên quen biết bà Nguyễn Thị Thu H, cả hai nhận nhau làm mẹ con nuôi (trên danh nghĩa, không làm thủ tục). Tháng 12/2019, bị cáo nghỉ việc, tháng 6/2020 bà H nghỉ việc. Từ năm 2017 cho đến tháng 6 năm 2020, bị cáo Tr nhiều lần hỏi mượn tiền của bà H với tổng số tiền 2.600.000.000 đồng, có trả lãi từ 8%, 12% đến 15%/tháng.

Khoảng đầu năm 2020, vì muốn có tiền tiêu xài và trả nợ, bị cáo Tr nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của người khác nên làm quen với những người xung quanh, tự giới thiệu đang làm việc tại Siêu thị C và giữ chức vụ Trưởng kho ATH(3). Hàng ngày, bị cáo mặc đồng phục, đeo thẻ nhân viên của siêu thị, chức vụ Trưởng kho ATH3 đi làm nên nhiều người tin tưởng bị cáo là nhân viên Siêu thị C. Khi tạo được lòng tin của nhiều người, bị cáo đã thực hiện nhiều lần chiếm đoạt tiền, cụ thể như sau:

Ngày 29/4/2020, bị cáo Tr điện thoại cho anh Trần Đ nói dối bị cáo đi rút tiền lương cho nhân viên siêu thị nhưng bị mất 100.000.000 đồng và hỏi mượn của anh Đ 54.000.000 đồng bù vào số tiền mất để trả lương cho nhân viên, anh Đ đồng ý cho mượn, Tr chiếm đoạt tiêu xài cá nhân.

Ngày 17/5/2020, bị cáo Tr điện thoại cho chị Lê Thị B nói dối với chị B là bị cáo đi rút tiền trả cho người khác nhưng bị mất 60.000.000 đồng, bị cáo đã lấy vàng của bị cáo đem đi cầm được 30.000.000 đồng còn thiếu và hỏi mượn của chị B số tiền 30.000.000 đồng, chị B đồng ý cho mượn, bị cáo chiếm đoạt tiêu xài cá nhân.

Ngày 15/6/2020, cũng với thủ đoạn nói dối đi rút tiền trả lương cho nhân viên nhưng bị mất và hỏi mượn tiền, bị cáo Tr đã chiếm đoạt của vợ chồng anh Bùi Quang T, chị Nguyễn Thị Ngọc H số tiền 35.000.000 đồng.

Chiều ngày 20/6/2020, bị cáo Tr kêu chị B qua nhà, nói dối là làm nhầm báo cáo tháng khi chưa đến ngày quy định nên phải nộp vào kho của siêu thị số tiền 1.346.000.000 đồng, đến ngày 26/6/2020 siêu thị sẽ quyết toán trả lại cho bị cáo, nếu không trả số tiền trong chiều tối thì bị cáo sẽ bị Công an bắt. Bị cáo Tr nhờ chị B nói giúp với vợ chồng ông Trương Công D, bà Phạm Thị Hồng G để mượn tiền. Do tin lời của bị cáo nên chị B và anh T cùng bị cáo đến nhà của bà G nói giúp cho bị cáo. Trong lúc nói chuyện, bị cáo Tr dùng điện thoại gọi cho ba (Tr tự xưng danh khi nói chuyện) về việc bị nhầm số tiền, mọi người nghe bị cáo nói qua điện thoại là ba của bị cáo sẽ cho Tr mượn 300.000.000 đồng, bị cáo

hỏi mượn vợ chồng bà G 1.050.000.000 đồng để trả cho siêu thị nếu không có thì bị cáo Tr sẽ tự tử. Vợ chồng bà G tin và cho mượn, bị cáo hẹn sẽ trả lại số tiền cho vợ chồng bà G vào ngày 26/6/2020. Vợ chồng ông D, anh T sử dụng xe ô tô chở bị cáo xuống siêu thị C để trả tiền cho siêu thị. Trên đường đi, bị cáo Tr nhắn tin nhờ anh Phan Xuân Tr là bạn làm chung tại Công ty L đến siêu thị để bị cáo đưa tiền nhằm để ông D, bà G tin lời của bị cáo nói là thật. Khi gặp Tr tại siêu thị; cáo Tr đưa cho Tr 1.046.000.000 đồng và nhờ Tr trả tiền nợ cho bà H 1.000.000.000 đồng, số tiền 46.000.000 đồng còn lại bị cáo Tr kêu Tr chuyển tiền mặt vào tài khoản của bị cáo.

Ngày 26/6/2020, bị cáo trả trước cho vợ chồng bà G 100.000.000 đồng, số tiền còn lại bị cáo nói dối với vợ chồng ông D, bà G là siêu thị đang làm thủ tục trả tiền. Đồng thời, bị cáo nhờ chồng cũ là Vũ Thanh L đến siêu thị C để bị cáo dẫn vợ chồng bà G gặp anh L và không nghi ngờ là bị cáo Tr nói dối. Bị cáo kêu anh L đóng vai làm nhân viên siêu thị cho bị cáo mượn tiền, anh L không biết việc bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của vợ chồng bà G trước đó.

Sau khi chiếm đoạt tiền và để vợ chồng bà G tin tưởng, bị cáo Tr đến các tiệm in phô tô tự làm giả các tài liệu: *Biên bản quyết toán* để ngày 27/6/2020 thể hiện C1 sẽ quyết toán số tiền 1.472.033.000 đồng cho người đại diện là Tr, chức vụ Trưởng kho ATH(3); *Quyết định (V/v xử lý kỷ luật)* ngày 27/6/2020 đối với Tr bị phạt 6.50% lương tháng của Tr, chức vụ Trưởng kho ATH(3), được nhận lại số tiền theo quyết toán; *Giấy ủy quyền xác nhận (V/v EROT223)* ngày 21/7/2020 thể hiện C1 Đồng Nai ủy quyền cho Tr đến hệ thống Ngân hàng BIDV để nhận số tiền 1.472.033.000 đồng và trên các văn bản bị cáo có đóng dấu “**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC Nguyễn Anh Đ**” đưa cho bà G xem. Ngoài ra, bị cáo Tr còn thuê xe ô tô chở vợ chồng ông D, chị B đến Siêu thị Biên Hòa để họ tin tưởng là bị cáo có làm việc tại siêu thị. Sau đó, bị cáo Tr bỏ trốn nên các bị hại làm đơn tố cáo. Ngày 29/9/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tây Ninh tiến hành bắt khẩn cấp bị cáo Tr và qua quá trình điều tra bị cáo Tr khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Tổng số tiền bị cáo Tr đã chiếm đoạt là 1.169.000.000 đồng, bị cáo sử dụng tiêu xài cá nhân và trả nợ.

Đối với số tiền 1.000.000.000 đồng sau khi nhận được từ bị cáo, bà H đã dùng để trả cho anh Trần Mộng V 150.000.000 đồng, anh Hồ Văn Th 80.000.000 đồng, anh Trần Hồng Đ 10.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị R. 120.000.000 đồng, chị Trương Thị Kim Ph 110.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị Ngọc O 40.000.000 đồng, chị Đoàn Thị H 305.000.000 đồng, chị Lê Thị H 50.000.000 đồng, anh Lê Văn Ph 5.000.000 đồng, bà Lê Thị C 80.000.000 đồng, chị Trần Thị Ngọc H 50.000.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 53/KL-KTHS của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Tây Ninh kết luận:

- Một thẻ C NHÂN VIÊN THỦ KHO NGUYỄN THỊ VIỆT TR cần giám định không cùng bản in của 02 (hai) thẻ nhân viên siêu thị C: Nguyễn Thị Cẩm L 13262 và LÂM HỒNG PHƯƠNG TH 12843, Nhân viên;

- Hình dấu “PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC Nguyễn Anh Đ” trên 04 (bốn) tài liệu cần giám định (Ký hiệu A0 đến A04) với “PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC Nguyễn Anh Đ” dính kèm trên Công văn số 04/LH ngày 06/01/2021 (Ký hiệu M) không phải do cùng một con dấu đóng ra.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2021/HS-ST ngày 03 tháng 6 năm 2021, Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Việt Tr phạm tội phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Việt Tr 14 (mười bốn) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Việt Tr 03 (ba) năm tù về tội “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật Hình sự. Buộc bị cáo Nguyễn Thị Việt Tr phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 17 (mười bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/9/2020.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Buộc bà Nguyễn Thị Thu H nộp lại số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) để đảm bảo phần thi hành án 950.000.000 đồng (Chín trăm năm mươi triệu đồng) của bị cáo Nguyễn Thị Việt Tr đối với vợ chồng ông Trương Công D bà Phạm Thị Hồng G. Số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) còn lại tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí, việc xử lý vật chứng khác và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 16/6/2021, bà Nguyễn Thị Thu H có đơn kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại phần xử lý vật chứng; đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng không buộc bà H phải nộp lại số tiền 1.000.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Thu H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ xác định số tiền 1.000.000.000 đồng bà Nguyễn Thị Thu H nhận từ bị cáo Nguyễn Thị Việt Tr là tiền do phạm tội mà có. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bà H nộp lại số tiền nêu trên là đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu H; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu H làm trong hạn luật định, hợp lệ về hình thức nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Để có tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân, bị cáo Nguyễn Thị Việt Tr đã sử dụng Thẻ nhân viên và các tài liệu giả của Siêu thị C, đóng giả là nhân viên siêu thị; dùng nhiều thủ đoạn gian dối như nói dối đi rút tiền lương cho nhân viên bị mất, bị nhầm báo cáo tháng dẫn đến phải nộp tiền vào kho của Siêu thị C để mượn tiền của những người bị hại, sau đó chiếm đoạt. Trong đó, bị cáo chiếm đoạt của anh Trần Đ 54.000.000 đồng, chiếm đoạt của chị Lê Thị B 30.000.000 đồng, chiếm đoạt của vợ chồng anh Bùi Quang T và chị Nguyễn Thị Ngọc H 35.000.000 đồng; chiếm đoạt của vợ chồng ông Trương Công D, bà Phạm Thị Hồng G 1.050.000.000 đồng.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Thị Việt Tr phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2.2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu H:

Lời khai của bị cáo Nguyễn Thị Việt Tr, anh Phan Xuân Tr trong quá trình điều tra, xét xử sơ thẩm xác định để ông D, bà G tin tưởng, vào ngày 21/6/2020, tại siêu thị C, bị cáo Tr nhờ anh Tr đóng giả nhân viên siêu thị đến để bị cáo đưa số tiền 1.046.000.000 đồng (vừa được ông D, bà G cho mượn) cho anh Tr; sau khi nhận số tiền 1.046.000.000 đồng từ bị cáo Tr, anh Tr giao cho bà Nguyễn Thị Thu H 1.000.000.000 đồng; còn lại 46.000.000 đồng nộp vào tài khoản cá nhân của bị cáo Tr. Lời khai nhận của bị cáo Tr và anh Tr phù hợp với lời khai của bà H xác nhận đã nhận 1.000.000.000 đồng từ anh Tr và phù hợp với nội dung giấy xác nhận nhận tiền ngày 21/6/2020 bà H đã lập. Như vậy, đủ cơ sở xác định số tiền 1.000.000.000 đồng bà H nhận có nguồn gốc là tiền do bị cáo chiếm đoạt của ông D, bà G mà có. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, buộc bà H nộp lại số tiền trên là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu H không có cơ sở chấp nhận; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự,

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu H.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2021/HS-ST ngày 03 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh về xử lý vật chứng.

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Buộc bà Nguyễn Thị Thu H nộp lại số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) để đảm bảo phần thi hành án 950.000.000 đồng (Chín trăm năm mươi triệu đồng) của bị cáo Nguyễn Thị Việt Tr đối với vợ chồng ông Trương Công D, bà Phạm Thị Hồng G. Số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) còn lại tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Nguyễn Thị Việt Tr.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP. HCM (1);
- TAND tỉnh Tây Ninh (2);
- VKSND tỉnh Tây Ninh (1);
- Công an tỉnh Tây Ninh (1);
- Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh (1);
- Cục THADS tỉnh Tây Ninh (1);
- Trại tạm giam Công an tỉnh Tây Ninh (2);
- ĐS (1);
- Lưu VP (3), HS (2). 16b.TTPT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thanh Dũng